|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**  **Bộ môn: Triết học** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  ***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**Học phần: Triết học Mác - Lênin.**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**1. Tên học phần (tiếng Việt): Triết học Mác - Lênin**

**Tên học phần** **(tiếng Anh):** *Philosophy Marxism-Leninism*

**2. Mã học phần: MLNP0221**

**3. Số tín chỉ:** 3 (36,18)

**4. Cấu trúc:**

- Giờ lý thuyết: 36 - Giờ thảo luận: 18

- Giờ thực hành: 0 - Giờ báo cáo thực tế: 0

- Giờ tự học: 96

**5. Điều kiện của học phần:**

- Học phần tiên quyết: 0 Mã HP:

- Học phần học trước: 0 Mã HP:

- Học phần song hành:0 Mã HP:

- Điều kiện khác:

**6. Mục tiêu của học phần**:

Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác – Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.

**7. Chuẩn đầu ra của học phần:**

(CLO1): Phân tích được những nội dung kiến thức cơ bản của triết học Mác – Lênin để nhận thức các quy luật trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

(CLO2): Có niềm tin vào bản chất khoa học, cách mạng của Chủ nghĩa Mác – Lênin nói chung và triết học Mác – Lênin nói riêng.

(CLO3): Vận dụng được thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác – Lênin để nghiên cứu khoa học nói chung và khoa học xã hội nhân văn nói riêng; có khả năng làm việc nhóm; có tư duy độc lập, lôgíc khi thuyết trình, phản biện, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học.

**8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

- Tiếng Việt:

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

- Tiếng Anh:

The module of Marxism-Leninism consists of 3 chapters: Chapter I introduces about philosophy in overview; Marxism-Leninism philosophy as well the role key of Marxism-Leninism philosophy in social life. Chapter II introduces about the basic contents of dialectical materialism. Chapter III introduces about the basic contents of dialectical materialism, materialist dialectic and historical materialism including social – economic status; working glass and nation; social – renovation; social - mind; human philosophy.

**9. Cán bộ giảng dạy học phần**

9.1. CBGD cơ hữu:

1. TS. GVC. Tạ Thị Vân Hà

2. TS. GVC. Nguyễn Thị Thu Hà

3. TS. GVC. Đặng Minh Tiến

4. ThS. GVC. Đỗ Thị Phương Hoa

5. ThS. GV. Phạm Thị Hương

6. ThS. GV. Nguyễn Quỳnh Hương

7. ThS. GV. Nguyễn Thị Liên

8. TS. GV. Hồ Công Đức

9. ThS.GV. Đào Thu Hà

10. TS.GVC. Khuất Thị Nga

9.2. CBGD kiêm nhiệm: 0

9.3. CBGV thỉnh giảng:

1. PGS.TS. Phương Kỳ Sơn, Trường Đại học Thương mại (đã nghỉ hưu)

2. ThS. GVC. Lê Thị Loan, Trường Đại học Thương mại (đã nghỉ hưu)

3. PGS. TS. Cao Thị Thu Hằng, Tạp chí Cộng sản

4. TS. GV Nguyễn Lệ Thu

5. TS.GVC. Cao Thị Sính

6. TS. GVC. Trần Thị Hà Giang

9.4. Chuyên gia thực tế: 0

**10. Đánh giá học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng**  **số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric** | **Liên quan đến CĐR của HP** | **Hướng dẫn**  **đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **1. Điểm chuyên**  **cần ()** | **0,1** | 1.1.Chuyên cần | 0,8 | R1 | CLO1 | GV đánh giá mức độ đi học đầy đủ, chuyên cần và ý thức học tập của SV |
| Ý thức học tập (Thái độ học tập trên lớp và tự học) | 0,2 | CLO1 | GV đánh giá mức độ chuẩn bị bút ký tự nghiên cứu có hướng dẫn của SV tùy theo mức độ hoàn thành để đánh giá điểm thưởng CC tối đa 50% của 0,05; phát biểu, trao đổi ý kiến của SV liên quan đến bài học và hiệu quả của các đóng góp để đánh giá điểm thưởng CC tối đa 50% của 0,05; |
| **2. Điểm thực hành ()** | **0,3** |  |  |  |  |  |
| 2.1. Điểm kiểm tra (Đkt) | 0,15 | Bài kiểm tra  Bài kiểm tra 1  Bài kiểm tra 2 | 0,5  0,5 |  | CLO1 | Hình thức kiểm tra: **trắc nghiệm**  Bài KT 1: nội dung chương 2  Bài kiểm tra 2: nội dung chương 3 |
| 2.2. Điểm đổi mới phương pháp học tập (Đđm) | 0,15 | Báo cáo kết quả luận nhóm | 0,4 | R2 | CLO1  CLO2  CLO3 | Viết tay hoặc đánh máy kết cấu rõ ràng, chi tiết theo yêu cầu về hình thức và nội dung nộp vào buổi học lý thuyết cuối cùng |
| *Trình bày slide và nhận xét, đặt câu hỏi phản biện*  *Thuyết*  *Trình, bảo vệ*  hoặc  *Nêu câu hỏi phản biện* | 0,3  0,2 | R3 | CLO2  CLO3 | Báo cáo thuyết trình bằng file powerpoint phải tóm tắt được nội dung của bài thảo luận nhóm; hình thức trình bày khoa học (có thưởng điểm sáng tạo)  -Phần thuyết trình tự tin, trình bày vấn đề khúc triết, thu hút người nghe; đảm bảo thời gian  Phần nhận xét; Yêu cầu theo dõi, nhận xét được ưu và nhược điểm phần chuẩn bị Slide và thuyết trình của các nhóm khác  Câu hỏi phản biện cho các đề tài đúng chủ đề, vào các phần có tình huống tranh luận của các nhóm  Phần trả lời câu hỏi thể hiện được khả năng nắm được nội dung của vấn đề thảo luận được giao  *GV chuyển đến các nhóm bản theo dõi kết quả TL nhóm và hướng dẫn thư ký các nhóm theo dõi quá trình đóng góp của các thành viên để phân loại*  -GV cho điểm nhóm chung; các nhóm trên cơ sở đó để phân loại dựa trên sự đóng góp của các thành viên trong quá trình thảo luận để đảm bảo công bằng |
| Điểm thưởng | 0,1 | R4 | CLO3 | Trong quá trình theo dõi GV sẽ thưởng cho các nhóm có phần thiết kế và trình bày slide ấn tượng; thuyết trình hoặc đặt câu hỏi xuất sắc sẽ thưởng cho nhóm chung hoặc cá nhân |
| **3. Điểm thi hết HP ()** | **0,6** | Bài thi cuối kỳ: Trắc nghiệm kết hợp. |  |  | CLO1  CLO3 | Bộ môn phân công GV chấm bài thi ngẫu nhiên 2 vòng độc lập theo đáp án đã thống nhất của bộ môn |

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm  
thi cuối kỳ và điểm học phần theo quy định của khảo thí. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

*\* Ghi chú:*

(1) Điểm học phần được tính theo công thức sau: **Đhp =**

Trong đó: **Đhp**: Điểm học phần, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân

**Đ**i : Điểm thành phần i (i = 1,2,3)

**ki** : Trọng số điểm thành phần i (i = 1,2,3)

(2) Điểm thực hành được tính theo công thức sau: Đth =

Trong đó: **Đth**: Điểm thực hành, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân

**Đkt**: Điểm kiểm tra trung bình các bài kiểm tra

Đkt =

(: Điểm kiểm trai; n: Số bài kiểm tra)

Đđm: Điểm đổi mới phương pháp học tập, lấy chính xác đến 1 chữ số

thập phân.

*Điểm đổi mới có thể có nhiều điểm thành phần sẽ được tính như sau: Đđm = ∑ kiĐđmi*

*(Đđmi: Điểm đổi mới phương pháp học tập thành phần thứ i*

*ki: Trọng số điểm đổi mới phương pháp học tập thành phần thứ i)*

(3) Rubric đánh giá điểm thành phần

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh**  **giá** | **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng số** |
| **Mức F**  **(0-3,9 điểm)** | **Mức D**  **(4,0-5,4 điểm)** | **Mức C**  **(5,5-6,9 điểm)** | **Mức B**  **(7,0-8,4 điểm)** | **Mức A**  **(8,5-10 điểm)** |
| R1 | *Chuyên cần* | Vắng mặt  trên lớp  trên 40% | Vắng mặt  trên lớp  từ trên 30-40% | Vắng mặt  trên lớp  từ trên 20-30% | Vắng mặt  trên lớp  từ trên 10-20% | Vắng mặt  trên lớp  từ 0-10% | 0,8 |
| *Ý thức*  *học tập trên lớp* | Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm kỷ luật | Hiếm khi phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm kỷ luật | Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm kỷ luật | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm kỷ luật | Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm kỷ luật | 0,2 |
| R2 | *Hình thức bài thảo luận nhóm* | Đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả | Rõ ràng, còn nhiều lỗi chính tả | Rõ ràng, logic, còn một số lỗi chính tả | Đẹp, rõ ràng, logic, thỉnh thoảng còn lỗi chính tả | Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp, không còn lỗi chính tả | 0,1 |
| *Nội dung bào thảo luận nhóm* | Không đáp ứng yêu cầu của của nội dung đề tài được giao hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu | Hầu như các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng | Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ rang | Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng và dễ hiểu | Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu | 0,9 |
| R3 | *Trình*  *bày slide*  hoặc  *Bài nhận xét phản biện* | Slide trình bày quá sơ sài, nhiều lỗi, không có hình ảnh minh họa  *Hoặc*  Bài nhận xét phản biện quá sơ sài, không đúng yêu cầu | Slide trình bày với số lượng phù hợp, lỗi còn khá nhiều và ít hình ảnh minh họa  *Hoặc*  Bài nhận xét phản biện sơ sài, hầu hết các nội dung luận giải chưa chặt chẽ | Slide trình bày với bố cục logic, thỉnh thoảng còn lỗi, hình ảnh minh họa chưa rõ ràng  *Hoặc*  Bài nhận xét khá đầy đủ, một số nội dung luận giải chưa chặt chẽ | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, hầu như không có lỗi, hình ảnh minh họa tương đối đẹp, thể hiện tương đối thành thạo trong trình bày  *Hoặc*  Bài nhận xét đầy đủ, luận giải tương đối chặt chẽ | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, không có lỗi, hình ảnh minh họa đẹp, thể hiện thành thạo trong trình bày  *Hoặc*  Bài nhận xét rất đầy đủ, sắc sảo, luận giải chặt chẽ | 0,4 |
| *Thuyết*  *Trình, bảo vệ*  hoặc  *Nêu câu hỏi phản biện* | Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định; Phát âm không rõ, giọng  nói nhỏ; Người nghe không hiểu; Trả lời câu hỏi yếu  *Hoặc*  Tư duy phản biện yếu, câu hỏi không đúng trọng tâm | Bài trình bày đầy đủ; Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày; Trả lời câu hỏi kém  *Hoặc*  Tư duy phản biện kém, hầu hết câu hỏi đặt ra không đúng trọng tâm | Phần trình bày có bố cục rõ ràng; Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe; Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi trung bình  *Hoặc*  Tư duy phản biện trung bình; Một số câu hỏi đặt ra chưa đúng trọng tâm | Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi chặt chẽ  *Hoặc*  Tư duy phản biện tương đối chặt chẽ; Câu hỏi phản biện hay | Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu hỏi sắc sảo, rất chặt chẽ  *Hoặc*  Tư duy phản biện sắc sảo, chặt chẽ; Câu hỏi phản biện rất hay | 0,5 |
| R4 | *Điểm thưởng* | Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao | Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức thấp | Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình | Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao | Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao | 0,1 |

**Rubric 3: Nhóm đánh giá điểm thảo luận cho từng thành viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức C**  *(Dưới điểm thảo luận trung bình của nhóm)* | **Mức B**  *(Bằng điểm thảo luận trung bình của nhóm)* | **Mức A**  *(Cao hơn điểm thảo luận trung bình của nhóm)* |
| *Mức độ tham gia và đóng góp* | Thường vắng mặt trong các buổi sinh hoạt của nhóm hoặc không nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ nhóm giao. | Tham gia tương đối đầy đủ nhưng ít đóng góp hoặc đóng góp chưa được hiệu quả cho nhóm. | Tham gia đầy đủ và nhiệt tình, có nhiều đóng góp hiệu quả cho nhóm |

**11. Danh mục tài liệu tham khảo của học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên TC/**  **nơi ban hành VB** |
| **Giáo trình chính** | | | | |
| 1 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2021 | *Giáo trình triết học Mác-Lênin*  *(Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)* | NXB Chính trị Quốc gia Sự thật |
| **Sách giáo trình, sách tham khảo** | | | | |
| 2 | Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các môn Khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh | 2004 | *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* | NXB Chính trị Quốc gia |
| 3 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2006 | *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*  *(Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)* | NXB Chính trị Quốc gia |
| 4 | [Magee, Bryan](javascript:ClientFilterDetail('opac','AuthorOrg','Magee,%20Bryan')) | 2003 | *Câu chuyện Triết học* | NXB Thống kê, Hà Nội |
| 5 | Đảng Cộng Sản Việt Nam | 1991  1996  2001  2006  2011  2016  2021 | *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII; VIII; IX; X; XI;XII, XIII* | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội |
| 6 | C. Mác - Ph. Ăngghen - V. I. Lênin | 2016 | [*Vấn đề triết học trong tác phẩm của C. Mác - Ph. Ăngghen - V. I. Lênin*](http://119.15.169.64:5552/pages/opac/wpid-detailbib-id-42407.html) | NXB CTQG, Hà Nội |
| 7 | Trần Văn phòng | 2007 | *Hỏi đáp môn triết học Mác – Lênin* | NXB ĐHQG, Hà Nội |
| **Các website, phần mềm,...** | | | | |
| 8. <http://www.dangcongsan.cpv.vn> | | | | |
| 9. <http://philosophy.vass.gov.vn/> | | | | |
| 10. <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php> | | | | |
| 11. <http://tiasang.com.vn/> | | | | |

**12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Các nội dung cơ bản theo chương, mục**  *(đến 3 chữ số)* | **Phân bổ**  **thời gian** | | | **CĐR của chương** | **Phương pháp**  **giảng dạy** | **Hoạt động học của SV** | **Tài liệu tham khảo** |
| **LT** | **TL/TH** | **KT** |  |  |  |  |
| 1 | **Chương I: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC VÀ TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN** | **8** | **0** | **0** | CLO1  CLO2  CLO3 | Giải thích cụ thể, thuyết giảng, giải quyết vấn đề, phương pháp tình huống, thảo luận | Đọc giáo trình; trả lời câu hỏi, tham gia vào các giải quyết các tình huống  Thảo luận tại lớp | 1, 2, 3 |
| 2 | **I. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học** |  |  |  |  |  | Đọc giáo trình chương 1 |  |
| 3 | 1.Khái lược về triết học |  |  |  |  |  |  | [1]: 12-33  [2]:17-23  [3]:7-11 |
| 4 | 2. Vấn đề cơ bản của triết học |  |  |  |  |  |  | [1]: 33-43  [2]: 23-33  [3]: 11-19 |
| 5 | 3. Biện chứng và siêu hình |  |  |  |  |  |  | [1]: 43-48  [2]:33-38  [3]:19-22 |
| 6 | **II.Triết học Mác -Lênin và vai trò của triết học Mác –Lênin trong đời sống xã hội** |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | 1.Sự ra đời và phát triển của triết học Mác-Lênin |  |  |  |  |  |  | [1]: 48-95  [2]:131-157  [3]:91-125 |
| 8 | 2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác-Lênin |  |  |  |  |  |  | [1]:95-102 |
| 9 | 3.Vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay |  |  |  |  |  |  | [1]:102-116 |
| 10 | **CHƯƠNG II: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG** | **14** | **6** | **1** | CLO1  CLO2  CLO3 | *thuyết trình, giải quyết vấn đề, phương pháp tình huống, thảo luận nhóm,* | Trả lời câu hỏi, tham gia vào các giải quyết các tình huống  Thảo luận tại lớp | 1,2,3 |
| 11 | **I.Vật chất và ý thức** |  |  |  |  |  | Nghiên cứu giáo trình chương 2 |  |
| 12 | 1. Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất |  |  |  |  |  |  | [1]:118-149  [2]:174-193  [3]:147-163 |
| 13 | 2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức |  |  |  |  |  |  | [1]:149-172  [2]:193-208  [3]:163-177 |
| 14 | 3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức |  |  |  |  |  |  | [1]:172-182 |
| 15 | **II. Phép biện chứng duy vật** |  |  |  |  |  |  |  |
| 16 | 1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật |  |  |  |  |  |  | [1]:182-189  [2]:212-216 |
| 17 | 2. Nội dung của phép biện chứng duy vật |  |  |  |  |  |  | [1]:189-257  [2]:216-341  [3]:181-257 |
| 18 | **III. Lý luận nhận thức** |  |  |  |  |  |  |  |
| 19 | 1. Quan niệm về nhận thức trong lịch sử triết học |  |  |  |  |  |  | [1]:257-262 |
| 20 | 2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng |  |  |  |  |  |  | [1]:262-283  [2]:342-378  [3]:258-279 |
| 21 | **CHƯƠNG III: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ** | 12 | 3 | 1 | CLO1  CLO2  CLO3 | *thuyết trình, giải quyết vấn đề, phương pháp tình huống, thảo luận nhóm,* | Trả lời câu hỏi, tham gia vào các giải quyết các tình huống  Thảo luận tại lớp | 1,2,3 |
| 22 | **I. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội** |  |  |  |  |  | Nghiên cứu giáo trình chương 3 |  |
| 23 | 1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội |  |  |  |  |  |  | [1]:288-291  [2]:430-433  [3]:287-288 |
| 24 | 2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất |  |  |  |  |  |  | [1]:291-305  [2]:433-447  [3]:288-296 |
| 25 | 3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội |  |  |  |  |  |  | [1]:305-316  [2]:447-456  [3]:296-301 |
| 26 | 4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên |  |  |  |  |  |  | [1]:317-329  [2]:456-468  [3]:301-309 |
| 27 | **II. Giai cấp và dân tộc** |  |  |  |  |  |  |  |
| 28 | 1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp |  |  |  |  |  |  | [1]:329-362  [2]:482-504  [3]:317-324 |
| 29 | 2. Dân tộc |  |  |  |  |  |  | [1]:362-374  [2]:469-482  [3]:310-317 |
| 30 | 3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại |  |  |  |  |  |  | [1]:374-384  [2]:505-520  [3]:325-330 |
| 31 | **III. Nhà nước và cách mạng xã hội** |  |  |  |  |  |  |  |
| 32 | 1. Nhà nước |  |  |  |  |  |  | [1]:384-404  [2]:521-547  [3]:331-344 |
| 33 | 2. Cách mạng xã hội |  |  |  |  |  |  | [1]:404-419  [2]:548-566  [3]:344-353 |
| 34 | **IV. Ý thức xã hội** |  |  |  |  |  |  |  |
| 35 | 1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội |  |  |  |  |  |  | [1]:419-421  [2]:567  [3]:354 |
| 36 | 2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội |  |  |  |  |  |  | [1]:421-439  [2]:568-575  + 586-602  [3]:355-362  +372-381 |
| 37 | 3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội |  |  |  |  |  |  | [1]:440-447  [2]:576-586  [3]:363-372 |
| 38 | **V. Triết học về con người** |  |  |  |  |  |  |  |
| 39 | 1. Con người và bản chất con người |  |  |  |  |  |  | [1]:447-457  [2]:604-615  [3]:386-393 |
| 40 | 2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người |  |  |  |  |  |  | [1]:457-464 |
| 41 | 3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử |  |  |  |  |  |  | [1]:465-477  [2]:615-630  [3]:393-406 |
| 42 | 4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam |  |  |  |  |  |  | [1]:477-489 |

*Lưu ý:*

1. Hướng dẫn thực hiện giờ thảo luận:

- Trong 18 giờ thảo luận có 9 giờ dự giảng thảo luận trên lớp và 9 giờ hướng dẫn làm bài thảo luận trực tuyến. Giảng viên có thể lựa chọn phương tiện hướng dẫn phù hợp điều kiện thực tế.

- Giờ hướng dẫn làm bài thảo luận trực tuyến nhằm giúp các nhóm thảo luận có bài thảo luận hoàn chỉnh trước khi thực hiện giờ thảo luận trên lớp. Giờ hướng dẫn làm bài thảo luận trực tuyến bao gồm các công việc: Hướng dẫn đề cương bài thảo luận, hướng dẫn tìm tài liệu tham khảo, góp ý bản thảo bài thảo luận, giải đáp thắc mắc,… (có minh chứng bản sửa đề cương và bản sửa bài thảo luận).

2. Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

**(\*) Ghi chú:­**

*- Phân bổ thời gian (LT/TL/TH/KT): Xác định số tiết lý thuyết (LT), thảo luận (TL) / thực hành (TL), kiểm tra (KT) theo từng chương.*

*- CĐR của chương: Xác định CĐR cần đạt được của từng chương (theo CĐR của HP).*

*- Phương pháp giảng dạy: Nêu tên các phương pháp giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR (giải thích cụ thể, thuyết giảng, giải quyết vấn đề, phương pháp tình huống, thảo luận, học nhóm, thực tập, thực tế,…)*

*- Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, nội dung nào, làm bài tập, trả lời câu hỏi,…); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm bài tập,…).*

*- Tài liệu tham khảo: Nêu tên, chương, mục các TLTK cần thiết cho từng chương (căn cứ vào danh mục TLTK trong mục 11).*

*Ngày 8 tháng 12 năm 2023*

**TRƯỞNG KHOA** **TRƯỞNG BỘ MÔN**

***TS. Tạ Thị Vân Hà***

**HIỆU TRƯỞNG**